

Số: 17 /TB-TMNDT

Quảng Châu, ngày 19 tháng 1 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/Tt-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Trường MN Diễn Thái thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2026.

(Theo biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Hình thức công khai: Công khai trên trang website và tại bảng tin của nhà trường.

Trường MN Diễn Thái thông báo các bộ phận và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu
- Ban TTND
- CBGVNV
- Lưu: VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Lý

Số: 18 /QĐ-TMNDT

Quảng Châu, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/Tt-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán NSNN năm 2026 của Trường MN Diễn Thái.
(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2: Thời gian từ ngày 19 tháng 01 năm 2026 đến ngày 18 tháng 02 năm 2026

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu
- Ban TTND
- CBGVNV
- Lưu: VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Lý

Biểu số 2: Ban hành kèm theo Thông tư 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính
Đơn vị: Trường MN Diễn Thái
Chương: 822

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 18 /QĐ-MNDT ngày 19/01/ 2026 của trường MN Diễn Thái)
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Chi quản lý hành chính	
II	Nghiên cứu khoa học	
III	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	
1	Kinh Phí tự chủ	7 231 557 000
6000	Tiền lương	3 237 288 444
6001	Lương theo ngạch, bậc	3 237 288 444
6100	Phụ cấp lương	1 931 810 027
6101	Phụ cấp chức vụ	47 750 040
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1 235 435 760

6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	5 616 000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	643 008 227
6149	Phụ cấp khác	
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên	16 848 000
6151	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	16 848 000
6300	Các khoản đóng góp	942 654 529
6301	Bảo hiểm xã hội	767 276 874
6302	Bảo hiểm y tế	131 533 178
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	43 844 477
6400	Các khoản thanh toán cho cá nhân khác	14 400 000
6401	Tiền ăn	14 400 000
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	36 000 000
6501	Tiền điện	36 000 000
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	
6550	Vật tư văn phòng	51 600 000
6551	Văn phòng phẩm	14 000 000
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	20 000 000
6553	Khoán văn phòng phẩm	5 600 000
6599	Vật tư văn phòng khác	12 000 000
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4 200 000
6605	Thuê bao vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng	2 940 000
6606	Tuyên truyền, quảng cáo	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	1 260 000
6650	Hội nghị	12 000 000
6699	Chi phí khác	12 000 000
6700	Công tác phí	8 400 000
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	
6702	Phụ cấp công tác phí	
6703	Tiền thuê phòng ngủ	
6704	Khoán công tác phí	8 400 000
6750	Chi phí thuê mướn	72 000 000
6757	Thuê lao động trong nước	72 000 000
6799	Chi phí thuê mướn khác	

6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	60 000 000
6907	Nhà cửa	28 000 000
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	14 000 000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	18 000 000
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	23 000 000
6955	Tài sản và thiết bị văn phòng	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	23 000 000
6999	Tài sản và thiết bị khác	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	137 400 000
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	45 500 000
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	
7049	Chi khác	91 900 000
7750	Chi khác	364 400 000
7761	Chi tiếp khách	22 400 000
7766	Cấp bù học phí	292 000 000
7799	Chi các khoản khác	50 000 000
6200	Khen thưởng	319 556 000
6201	NĐ 73 Khen thưởng	319 556 000

Diễn Thái, ngày 19 tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lý